

VIỆT NAM
DÂN CHỦ CỘNG HÒA
ỦY BAN KHOA HỌC VÀ
KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC
Viện Đo lường và
Tiêu chuẩn

QUẦN ÁO TRẺ EM GÁI

Cỡ số

TCVN 374--70

Nhóm L

1. Tiêu chuẩn này áp dụng cho tất cả các loại quần áo của trẻ em gái trên 1 tuổi.
2. Quần áo của trẻ em gái trên 1 tuổi phải sản xuất theo cỡ số qui định trong bảng dưới đây.

Ký hiệu cỡ số	CHIỀU CAO (cm)	Vòng ngực (cm)	Tuổi (tham khảo)
70	70 (68 — 73)	48	1 — 2
76	76 (74 — 79)*	50	1 — 3
82	82 (80 — 85)	52	2 — 4
88	88 (86 — 91)	52	3 — 5
94	94 (92 — 97)	54	3 — 6
100	100 (98 — 103)	54	5 — 7
106	106 (104 — 109)	56	6 — 9
112	112 (110 — 115)	58	7 — 10
118	118 (116 — 121)	60	9 — 11
124	124 (122 — 127)	62	10 — 12
130	130 (128 — 133)	64	11 — 13
136A	136 (134 — 139)	72	12 — 15
136B		68	
136C		64	
142A	142 (140 — 145)	76	13...
142B		72	
142C		68	
148A	148 (146 — 151)	80	14...
148B		76	
148C		72	
154A	154 (152 — 157)	84	15...
154B		80	
154C		76	

Chú thích:

1. Kích thước chiều cao ghi trong bảng là kích thước đại diện cho nhóm kích thước đề trong dấu ngoặc và được đo từ đỉnh đầu xuống hết gót chân, không kể giày và mũ.
2. Kích thước vòng ngực được biểu diễn bằng chu vi vòng ngực qua 2 núm vú, đo trên người mặc áo mỏng.
3. Đối với những nơi đã quen dùng hệ thống ký hiệu của mình, cho phép ghi thêm ký hiệu đó trong dấu ngoặc sau ký hiệu chính trong thời gian chuyển tiếp từ hệ thống ký hiệu cũ sang hệ thống ký hiệu mới.

Cục Vải sợi may mặc
Bộ Nội thương biên soạn

Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước
duyet y ngày 14-12-1970

Có hiệu lực
từ 1-1-1972

PHỤ LỤC CỦA TCVN 374-70

Bảng trị số các kích thước đo trên cơ thể trẻ em gái trên 1 tuổi.

cm

Số thứ tự	KÍCH THƯỚC ĐO	Hình vẽ	CỖ SỐ		
			70	76	82
1	Chiều cao cơ thể	H. 1	70	76	82
2	Chiều dài từ đốt sống cổ thứ 7 đến hết gót chân	H. 1	58	62	66
3	Chiều dài từ đốt sống cổ thứ 7 đến vòng bụng	H. 2	19	20	21
4	Chiều rộng lưng ngang nách	H. 2	19	20	21
5	Chiều rộng vai	H. 2	21	22	23
6	Chiều rộng vai con	H. 2	7	7	7
7	Chiều dài từ đầu vai đến vòng bụng về phía lưng	H. 3	20	21	22
8	Chiều dài từ đầu vai đến núm vú	H. 3	—	—	—
9	Chiều dài từ lõm trên ức đến vòng bụng	H. 4	20	22	23
10	Chiều dài từ đầu vai đến vòng bụng về phía ngực	H. 4	17	18	19
11	Chiều dài cánh tay	H. 4	14	15	16
12	Chiều dài tay	H. 5	23	25	27
13	Chu vi cánh tay	H. 5	14	15	15
14	Chiều dài từ đốt sống cổ thứ 7 đến đường ngang nách	H. 6	9	9	10
15	Chiều dài cung mồm vai	H. 6	17	18	19
16	Chu vi vòng đầu	H. 6	47	47	48
17	Chu vi vòng cổ	H. 7	24	24	25
18	Chiều rộng ngực ngang nách	H. 7	19	20	21
19	Khoảng cách 2 núm vú	H. 7	—	—	—
20	Chu vi vòng ngực trên vú	H. 8	—	—	—
21	Chu vi vòng ngực ngang vú	H. 8	48	50	52
22	Chu vi vòng ngực dưới vú	H. 8	—	—	—
23	Chu vi vòng bụng	H. 9	50	52	52
24	Chu vi vòng mông	H. 9	48	50	52
25	Chiều dài đùi	H. 9	21	22	24
26	Chiều dài từ mép ngoài mào chậu đến hết gót chân	H. 9	39	42	45
27	Chiều dài từ mép ngoài mào chậu đến mặt ghế ngồi	H. 10	13	13	13
28	Chiều dài thân	H. 10	32	33	34
29	Chiều rộng đầu	H. 11	13	13	13
30	Chiều rộng cổ	H. 11	7	7	7
31	Chiều dày ngực	H. 12	13	13	13
32	Chiều dày bụng	H. 12	14	14	14
33	Chiều rộng mông	H. 13	14	15	16
34	Đoạn xuôi vai	H. 13	2	2	2,5

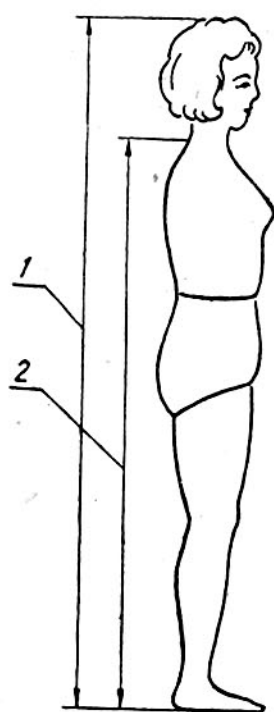
(Tiếp theo)

Số thứ tự	Hình vẽ	CỖ SỐ									
		88	94	100	106	112	118	124	130	136 A	136 B
1	H. 1	88	94	100	106	112	118	124	130	136	136
2	H. 1	71	76	82	87	93	98	104	109	115	115
3	H. 2	22	23	24	25	26	28	29	30	33	33
4	H. 2	22	23	24	25	26	27	28	29	30	29
5	H. 2	24	25	26	27	28	29	30	31	34	33
6	H. 2	7	8	8	8	9	9	10	11	12	12
7	H. 3	23	24	26	27	28	29	30	31	33	33
8	H. 3	—	—	—	—	—	—	—	—	20	20
9	H. 4	24	25	26	27	28	30	31	32	33	33
10	H. 4	20	21	22	23	24	25	26	27	28	28
11	H. 4	17	18	19	20	22	23	25	26	27	27
12	H. 5	29	31	33	35	37	39	41	43	46	46
13	H. 5	15	16	16	16	16	17	17	18	20	20
14	H. 6	10	11	11	12	12	13	13	14	15	15
15	H. 6	19	20	21	22	22	23	24	25	26	26
16	H. 6	48	49	49	50	51	51	52	52	53	53
17	H. 7	25	26	26	27	27	28	28	29	30	30
18	H. 7	21	22	23	23	24	25	26	27	28	28
19	H. 7	—	—	—	—	—	—	—	—	16	16
20	H. 8	—	—	—	—	—	—	—	—	69	66
21	H. 8	52	54	54	56	58	60	62	64	72	68
22	H. 8	—	—	—	—	—	—	—	—	67	64
23	H. 9	52	54	54	54	54	56	56	58	62	60
24	H. 9	52	54	56	58	60	62	64	66	74	72
25	H. 9	26	28	30	32	34	36	39	42	45	45
26	H. 9	49	53	58	62	67	70	75	79	83	83
27	H.10	14	14	15	16	17	17	18	19	21	21
28	H.10	36	37	39	41	43	45	47	49	54	54
29	H.11	13	14	14	14	14	14	14	14	15	15
30	H.11	7	8	8	8	8	8	8	9	9	9
31	H.12	14	14	14	14	15	15	15	16	18	17
32	H.12	14	14	14	14	15	15	15	15	17	16
33	H.13	16	17	18	18	19	20	21	22	25	24
34	H.13	2,5	3	3	3	3	3,5	3,5	3,5	4	4

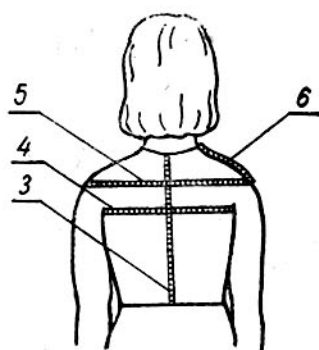
(tiếp theo)

Số thứ tự	Hình vẽ	cỡ số									
		136C	142A	142B	142C	148A	148B	148C	154A	154B	154C
1	H. 1	136	142	142	142	148	148	148	154	154	154
2	H. 1	115	121	121	121	126	126	126	130	130	130
3	H. 2	33	35	35	35	36	36	36	37	37	37
4	H. 2	28	31	30	29	32	31	30	33	32	31
5	H. 2	32	36	35	34	38	37	36	38	38	38
6	H. 2	12	12	12	12	13	13	13	13	13	13
7	H. 3	33	35	35	35	36	36	36	37	37	37
8	H. 3	20	20	20	20	21	21	21	21	21	21
9	H. 4	33	35	35	35	36	36	36	37	37	37
10	H. 4	28	29	29	29	30	30	30	31	31	31
11	H. 4	27	29	29	29	30	30	30	31	31	31
12	H. 5	46	48	48	48	50	50	50	52	52	52
13	H. 5	20	22	22	22	24	24	24	25	25	25
14	H. 6	15	15	15	15	16	16	16	16	16	16
15	H. 6	26	27	27	27	28	28	28	29	29	29
16	H. 6	53	53	53	53	54	54	54	54	54	54
17	H. 7	30	31	31	31	32	32	32	33	33	33
18	H. 7	28	28	28	28	29	29	29	30	30	30
19	H. 7	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16
20	H. 8	63	74	70	66	77	73	69	80	76	72
21	H. 8	64	76	72	68	80	76	72	84	80	76
22	H. 8	61	70	67	64	73	70	67	76	73	70
23	H. 9	58	64	62	60	66	64	62	70	66	64
24	H. 9	70	78	76	74	82	80	78	86	84	82
25	H. 9	45	47	47	47	49	49	49	50	50	50
26	H. 9	83	86	86	86	89	89	89	92	92	92
27	H. 10	21	21	21	21	21	21	21	21	21	21
28	H. 10	54	56	56	56	58	58	58	59	59	59
29	H. 11	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15
30	H. 11	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9
31	H. 12	16	19	18	17	20	19	18	21	20	19
32	H. 12	15	17	16	15	18	17	16	18	17	16
33	H. 13	23	26	25	24	28	27	26	29	28	27
34	H. 13	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4

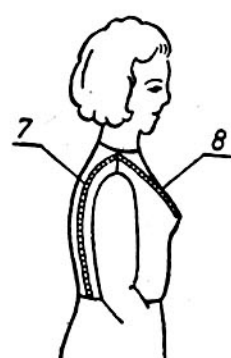
Chú thích: Phương pháp đo theo TCVN 373 - 70



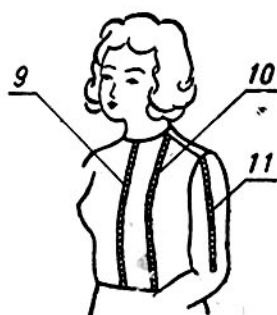
H.1



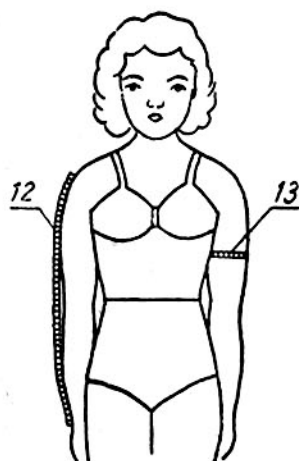
H.2



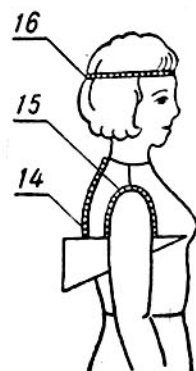
H.3



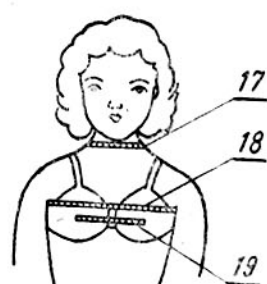
H.4



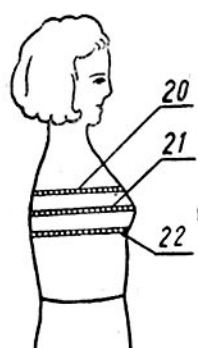
H.5



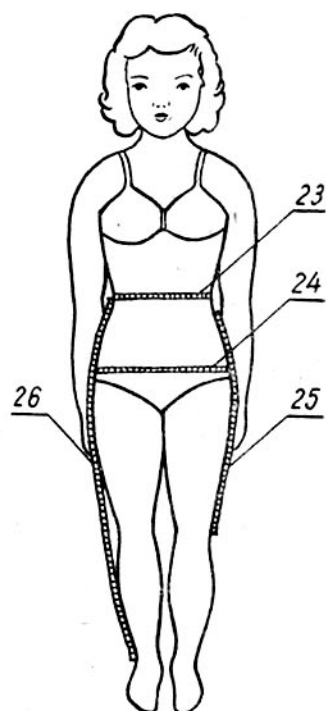
H.6



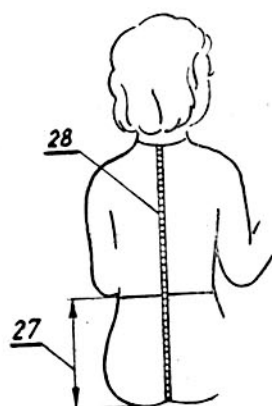
H.7



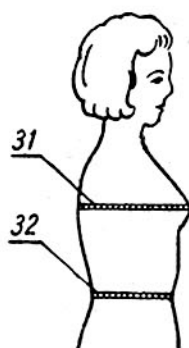
H.8



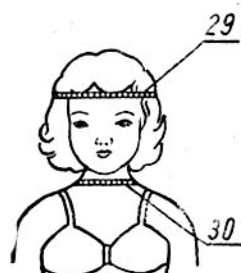
H.9



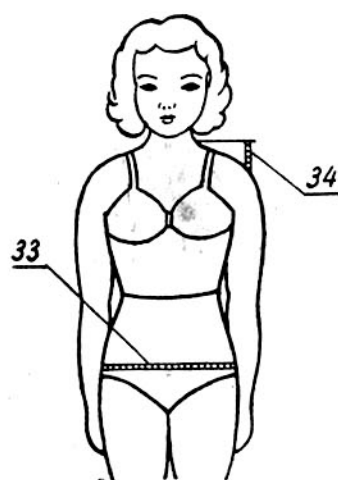
H.10



H.12



H.11



H.13